

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh
tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 về ban hành quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 664/QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 17/5/2025 của thí sinh;

Căn cứ Biên bản xét kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 17/5/2025;

Căn cứ kết quả phúc tra các bài kiểm tra của thí sinh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 17/5/2025 (danh sách trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng Thanh tra pháp chế;
- TT. CNTT và Thư viện (đăng website);
- Các khoa đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT (T.02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

Phụ lục
KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẠC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	20305141	B001	Nguyễn Thị Thúy	An	29/12/2002	Nữ	2.0	4.5	4.0	3.0	13.5	3.38	Không đạt
2	21104028	B002	Bùi Lan	Anh	01/01/2003	Nữ	6.5	4.5	5.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
3	21101002	B003	Đặng Lan	Anh	04/11/2003	Nữ	7.0	4.0	7.5	5.0	23.5	5.88	Đạt
4	21402003	B004	Đào Quế	Anh	14/10/2003	Nữ	8.5	5.5	9.0	8.0	31.0	7.75	Đạt
5	22302002	B005	Đinh Quang	Anh	04/07/2004	Nam	5.0	8.5	9.5	6.5	29.5	7.38	Đạt
6	21402005	B006	Hồ Thị Vân	Anh	14/11/2003	Nữ	5.0	9.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
7	21410003	B007	Lê Ngọc Trâm	Anh	20/01/2003	Nữ	7.5	9.0	9.5	6.0	32.0	8.00	Đạt
8	22406002	B008	Lê Nguyễn Duy	Anh	30/10/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
9	21821001	B009	Phan Ngọc	Anh	04/04/1996	Nam	8.5	6.5	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
10	18307420	B010	Trương Đình	Anh	19/06/1998	Nam	6.0	5.0	5.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
11	21410009	B011	Võ Tuấn	Anh	01/01/2003	Nam	8.5	6.0	8.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
12	24307010	B012	Vũ Quốc	Anh	17/02/2006	Nam							Vắng
13	22607005	B013	Lê Thị Ngọc	Ánh	19/09/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
14	22403004	B014	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	27/02/2003	Nữ	6.0	9.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
15	21402011	B015	Trần Thị Mỹ	Ánh	10/03/2003	Nữ	6.0	9.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
16	22401013	B016	H'ngoanh	Arul	13/07/2004	Nữ	0.0	9.0	9.0	5.0	23.0	5.75	Không đạt
17	21403008	B017	Trình Phương	Âu	20/03/2003	Nữ							Vắng
18	19309004	B018	H La Na	Ayũn	25/06/2001	Nữ	5.0	4.0	5.0	5.5	19.5	4.88	Không đạt
19	21607110	B019	Nguyễn Triệu Khánh	Băng	02/06/2003	Nữ	0.0	4.5	3.0	0.0	7.5	1.88	Không đạt
20	17103007	B020	Kim Gia	Bảo	06/09/1998	Nam	7.5	9.0	4.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
21	19307014	B021	Nay H'	Bảo	24/03/2001	Nữ	7.0	7.5	5.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
22	21102014	B022	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2003	Nam	8.0	3.0	7.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
23	16265002	B023	Phan Quốc	Bảo	06/11/1996	Nam	4.0	5.0	9.5	4.0	22.5	5.63	Đạt
24	21605003	B024	Võ Hoàng	Bảo	18/05/2003	Nam							Vắng
25	21413003	B025	H' Sina	Bdap	17/10/2003	Nữ	7.0	4.5	3.0	5.5	20.0	5.00	Đạt
26	22902002	B026	Li Xa	Ber	20/03/2004	Nữ	6.0	3.0	4.5	6.0	19.5	4.88	Không đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
27	22411001	B027	Đàm Thị Bích	21/08/2002	Nữ	0.0	2.0	1.5	3.0	6.5	1.63	Không đạt
28	15102002	B028	Bùi Quang Bình	10/09/1997	Nam							Vắng
29	22105001	B029	Châu Phạm Y	10/07/2004	Nam	5.5	5.0	5.0	4.0	19.5	4.88	Không đạt
30	22901004	B030	Lê Thị Như	24/07/2004	Nữ	6.5	8.5	6.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
31	17302004	B031	Lê Văn	20/10/1999	Nam	4.5	8.5	4.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
32	23901007	B032	H' Bạch	23/08/2005	Nữ	6.0	8.5	7.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
33	21402212	B033	Y Doal	05/04/2003	Nam	5.5	8.5	9.5	5.0	28.5	7.13	Đạt
34	20901036	B034	Y Hồ	12/05/2000	Nam	2.0	7.5	7.5	1.5	18.5	4.63	Không đạt
35	21101010	B035	Y Đôi	10/05/2002	Nam	5.0	8.5	8.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
36	21605005	B036	Nguyễn Thái	07/12/2003	Nam	6.0	7.5	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
37	18311075	B037	K'	20/04/1998	Nam	2.0	7.5	9.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
38	18403009	B038	H Brian	22/01/2000	Nữ							Vắng
39	21410012	B039	H Vân Đak	27/03/2003	Nữ	3.5	8.0	8.5	7.5	27.5	6.88	Đạt
40	19303004	B040	Y Du Đạt Dak	02/01/2000	Nam	6.0	7.5	9.0	6.5	29.0	7.25	Đạt
41	22403009	B041	Trần Thị	18/06/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
42	22403011	B042	Lê Thị Linh	15/10/2004	Nữ	6.5	8.0	5.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
43	22601005	B043	Nguyễn Thị Gia	01/05/2004	Nữ	7.5	9.0	8.0	9.0	33.5	8.38	Đạt
44	21601031	B044	Nguyễn Thị Linh	23/05/2003	Nữ	5.0	8.0	8.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
45	22402010	B045	Phùng Đỗ Kim	30/10/2004	Nữ							Vắng
46	21412101	B046	Nguyễn Đức	05/04/2003	Nam	2.0	9.0	5.0	3.5	19.5	4.88	Không đạt
47	22103007	B047	Ma Thế	07/06/2004	Nam	4.0	7.5	8.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
48	22103013	B048	Đỗ Đình Gia	22/06/2004	Nam	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
49	21605010	B049	Trần Huy	05/07/2003	Nam	2.0	7.5	7.5	4.0	21.0	5.25	Đạt
50	22605031	B050	Ksor	15/11/2003	Nam	1.0	7.0	9.0	5.5	22.5	5.63	Đạt
51	19104004	B051	Lê Trần Minh	08/12/2001	Nam	4.0	8.0	8.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
52	21305024	B052	Nguyễn Anh	04/02/2003	Nữ	5.0	8.5	9.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
53	21104033	B053	Huỳnh Anh	02/11/2003	Nam	5.5	8.5	7.5	3.0	24.5	6.13	Đạt
54	22103015	B054	Ngô Thành	01/10/2004	Nam	7.5	9.0	9.0	6.5	32.0	8.00	Đạt
55	22604003	B055	Ngô Văn Tiến	16/07/2004	Nam	4.0	7.5	9.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
56	21302030	B056	Võ Viết	16/04/2003	Nam	2.0	8.5	9.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
57	21101086	B057	Nguyễn Thị Ngọc	08/03/2003	Nữ	8.5	8.5	7.5	8.5	33.0	8.25	Đạt
58	21101087	B058	Nguyễn Hoàng	27/11/1999	Nam	5.5	9.0	9.0	5.5	29.0	7.25	Đạt
59	22601006	B059	Liêng Hót	19/07/2004	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.5	28.0	7.00	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
60	21903018	B060	H Suân Long	Ding	04/06/2002	Nữ	4.0	8.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
61	21410015	B061	Nguyễn Quốc	Doanh	16/01/2002	Nam	3.5	8.5	9.0	8.0	29.0	7.25	Đạt
62	20605018	B062	Phùng Văn	Đông	26/05/2002	Nam	2.0	7.0	9.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
63	21401044	B063	H'	Đồng	02/06/2003	Nữ	1.0	7.0	9.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
64	21311048	B064	Nay H'bit	Du	13/06/2003	Nữ	1.0	8.0	10.0	4.5	23.5	5.88	Đạt
65	22601011	B065	Hồ Văn	Đức	27/04/2004	Nam	7.0	9.0	9.0	8.0	33.0	8.25	Đạt
66	21406018	B066	Nguyễn Huỳnh	Đức	16/08/2000	Nam	2.0	8.0	5.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
67	20311062	B067	Đinh Thị Kim	Dung	02/02/2002	Nữ	5.0	8.0	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
68	22901008	B068	Lê Thị Thùy	Dung	10/03/2004	Nữ	7.0	8.0	9.0	6.5	30.5	7.63	Đạt
69	22601007	B069	Nguyễn Thị Thanh	Dung	30/10/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
70	21403016	B070	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/10/2003	Nữ	8.5	8.5	7.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
71	22101007	B071	Đào Văn	Được	02/04/2004	Nam	7.5	8.5	9.0	7.0	32.0	8.00	Đạt
72	22103086	B072	Hướng Việt	Được	12/03/2004	Nam	7.5	8.0	9.0	7.5	32.0	8.00	Đạt
73	19307298	B073	Hán Thị Ánh	Dương	27/05/2000	Nữ	7.0	8.5	9.0	6.5	31.0	7.75	Đạt
74	19307041	B074	Lê Thị Thùy	Dương	08/07/2001	Nữ	6.0	8.5	7.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
75	22103011	B075	Nguyễn Lê Tùng	Dương	22/08/2004	Nam	6.0	8.0	9.5	5.5	29.0	7.25	Đạt
76	19307034	B076	Hà Ngọc	Duy	24/03/2001	Nam	9.0	8.0	7.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
77	22410008	B077	Nguyễn Ngọc	Duy	22/09/2003	Nam	7.0	8.0	9.0	3.5	27.5	6.88	Đạt
78	21402020	B078	Nguyễn Thanh	Duy	09/12/2003	Nam	7.5	7.0	7.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
79	20304003	B079	Phan Đức	Duy	25/10/2002	Nam	5.0	8.0	9.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
80	19412064	B080	Đỗ Mỹ	Duyên	09/03/2001	Nữ	4.0	8.0	7.5	4.0	23.5	5.88	Đạt
81	21402021	B081	Hồ Thị Mỹ	Duyên	25/10/2003	Nữ	5.0	8.0	9.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
82	22901010	B082	Hồ Thị Mỹ	Duyên	27/08/2004	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	29.0	7.25	Đạt
83	22402017	B083	Phạm Kỳ	Duyên	01/08/2004	Nữ	3.0	8.0	9.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
84	22410101	B084	Vi Thị	Duyên	24/04/2004	Nữ	7.5	7.5	7.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
85	22601008	B085	H'	Duyệt	14/01/2004	Nữ	8.5	7.5	9.0	8.5	33.5	8.38	Đạt
86	20402023	B086	H Đa Len	Êban	08/08/2002	Nữ	5.0	6.5	7.5	7.5	26.5	6.63	Đạt
87	21902012	B087	H' Thiệp	Êban	22/07/2003	Nữ							Vắng
88	16307307	B088	H' Yang	Êban	10/10/1996	Nữ	8.0	8.0	9.0	6.5	31.5	7.88	Đạt
89	17605003	B089	Y Priu	Êban	08/09/1998	Nam	5.0	7.5	9.0	1.5	23.0	5.75	Đạt
90	21903021	B090	H' Oel	Êñuôl	28/08/2003	Nữ	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
91	24305037	B091	Bùi Thị Thanh	Giang	29/11/2006	Nữ	4.0	7.5	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
92	21403196	B092	Lê Thị Thuỷ	Giang	13/02/2003	Nữ	8.0	7.5	9.0	6.5	31.0	7.75	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra							
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả	
93	19307050	B093	Phạm Thị Huyền	Giang	18/11/2001	Nữ	9.0	7.5	7.5	8.0	32.0	8.00	Đạt
94	22601013	B094	Trần Phan Hương	Giang	20/09/2004	Nữ	4.0	7.5	8.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
95	21101019	B095	Ngô Thị Hồng	Hà	02/03/2003	Nữ	6.0	5.5	9.0	8.5	29.0	7.25	Đạt
96	21605016	B096	Phạm Hải	Hà	02/01/2002	Nam							Vắng
97	22601043	B097	Triệu Thị	Hà	20/04/2003	Nữ	8.0	7.5	7.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
98	22103020	B098	Trần Trúc	Hải	11/06/2004	Nữ	7.0	7.5	7.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
99	21903025	B099	H'	Hải	06/04/2002	Nữ	3.0	8.5	7.0	5.5	24.0	6.00	Đạt
100	17304009	B100	Nguyễn Văn	Hải	10/02/1999	Nam							Vắng
101	22412018	B101	Ngô Gia	Hân	23/02/2004	Nữ	7.0	8.5	7.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
102	21403031	B102	Nguyễn Thị Diệp	Hân	02/06/2003	Nữ	4.0	8.0	8.0	3.0	23.0	5.75	Đạt
103	24305048	B103	Võ Huỳnh Gia	Hân	28/07/2006	Nữ	5.5	7.0	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
104	22403033	B104	Đào Thị Kim	Hằng	05/09/2004	Nữ	6.0	8.0	7.5	7.5	29.0	7.25	Đạt
105	22101011	B105	Đậu Thị Thanh	Hằng	05/06/2004	Nữ	6.0	8.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
106	22901011	B106	Lương Thị Thu	Hằng	11/04/2004	Nữ	8.0	8.0	7.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
107	21605046	B107	Nguyễn Đức	Hạnh	04/08/2002	Nam	5.0	8.5	9.5	3.5	26.5	6.63	Đạt
108	22901064	B108	Y	Hạnh	19/04/2004	Nữ	6.0	8.0	3.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
109	21305309	B109	Phạm Thị	Hảo	22/02/2003	Nữ	8.0	8.5	7.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
110	20410235	B110	Nguyễn	Hậu	12/11/1999	Nam	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
111	21403202	B111	Phan Dương	Hậu	14/06/2003	Nam	6.0	8.0	5.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
112	22412020	B112	Nguyễn Thảo	Hiền	25/09/2004	Nữ	5.0	8.5	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
113	21903028	B113	Thái Thị	Hiền	15/11/2003	Nữ	6.0	8.0	8.5	3.0	25.5	6.38	Đạt
114	21403204	B114	Vũ Nguyễn Thúy	Hiền	14/12/2003	Nữ	7.0	8.0	7.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
115	21101025	B115	Đinh Thị	Hiếu	19/07/2002	Nữ	8.0	8.0	9.5	8.0	33.5	8.38	Đạt
116	21305034	B116	Ngôn Minh	Hiếu	06/11/2003	Nam	6.0	8.0	3.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
117	20410236	B117	Nguyễn Minh	Hiếu	10/10/2000	Nam	5.5	8.0	9.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
118	22302027	B118	Vũ Minh	Hiếu	16/03/2004	Nam	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
119	22601016	B119	Hoàng Trịnh Yến	Hoa	30/08/2004	Nữ	7.5	8.5	8.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
120	23103022	B120	Lê Xuân	Hoàng	06/09/2004	Nam	7.0	8.0	9.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
121	21410172	B121	Nguyễn Nhật	Hoàng	12/08/2003	Nam	7.5	8.0	9.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
122	17101017	B122	Phạm Huy	Hoàng	25/09/1999	Nam							Vắng
123	21901086	B123	Rmah	H'phôn	27/09/2003	Nữ	7.0	6.5	5.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
124	21903031	B124	Rchâm -	H'suon	30/03/2003	Nữ	4.0	8.0	8.5	3.5	24.0	6.00	Đạt
125	21309074	B125	Rahlan -	H'Tan	29/06/2003	Nữ	5.5	8.0	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
126	21412146	B126	H' thin		07/01/2003	Nữ	6.0	8.0	6.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
127	22406017	B127	Nguyễn Thị Huệ		07/07/2004	Nữ	9.0	7.0	8.0	9.5	33.5	8.38	Đạt
128	22103027	B128	Sào Văn Hùng		19/04/2004	Nam	4.0	8.5	9.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
129	17605008	B129	Phạm Hưng		07/06/1999	Nam	8.0	8.5	9.0	3.5	29.0	7.25	Đạt
130	22402043	B130	Đỗ Đăng Thị Thu		26/03/2004	Nữ	4.0	8.0	10.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
131	20303029	B131	Lương Thanh		07/03/2002	Nam	6.0	8.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
132	22901017	B132	Nguyễn Thị Mỹ		02/01/2004	Nữ	8.0	8.5	10.0	7.5	34.0	8.50	Đạt
133	22105005	B133	Hoàng Gia Huy		06/03/2004	Nam	7.0	5.5	5.0	8.0	25.5	6.38	Đạt
134	19307081	B134	Lý Minh		09/10/2001	Nam	8.5	8.5	7.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
135	21402060	B135	Nguyễn Quang		16/01/2002	Nam	3.5	8.0	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
136	22103024	B136	Nguyễn Quang		03/03/2003	Nam	6.0	8.0	9.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
137	19307082	B137	Nguyễn Quốc		22/04/2001	Nam	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
138	20307253	B138	Tạ Quang		10/05/2000	Nam							Vắng
139	21402235	B139	Trịnh Đức		12/05/2003	Nam							Vắng
140	22401005	B140	Mai Thị Thanh		12/01/2004	Nữ	3.5	8.0	9.0	0.0	20.5	5.13	Không đạt
141	12604010	B141	Phạm Thị		06/12/1992	Nữ	5.0	7.5	1.5	0.0	14.0	3.50	Không đạt
142	20104008	B142	Trần Khánh		03/01/2002	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
143	22402044	B143	Y - Khang		25/01/2004	Nam	8.0	8.0	7.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
144	21903035	B144	H' Salina		02/04/2003	Nữ	6.0	8.0	8.5	5.0	27.5	6.88	Đạt
145	22302014	B145	Nguyễn Long Ân		26/01/2004	Nam	6.5	8.0	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
146	19305186	B146	Ksor -		22/08/2000	Nam	7.0	8.0	8.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
147	21101102	B147	Cao Quốc		02/09/2003	Nam	8.5	7.5	8.5	6.5	31.0	7.75	Đạt
148	21406041	B148	Đăng Ngọc Quốc		02/09/2003	Nam	6.0	8.5	8.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
149	24307098	B149	Trần Văn		22/04/2006	Nam	8.5	7.5	6.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
150	18101005	B150	Phan Thái Đăng		08/11/2000	Nam	8.5	8.0	5.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
151	22403048	B151	Phùng Thị Thu		08/10/2004	Nữ	6.5	8.0	7.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
152	20311079	B152	Võ Thị Diễm		04/05/2001	Nữ	6.0	8.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
153	20903041	B153	Rah Lan H'		24/08/2001	Nữ	5.5	8.0	9.0	2.5	25.0	6.25	Đạt
154	21903038	B154	H' Doanh		15/11/2003	Nữ							Vắng
155	21601124	B155	H Dáng		23/08/2002	Nữ	4.5	8.0	8.5	5.5	26.5	6.63	Đạt
156	22410028	B156	H Hoa		07/05/2004	Nữ	7.5	4.0	7.0	7.0	25.5	6.38	Đạt
157	21608008	B157	H Nuôr		07/04/2003	Nữ							Vắng
158	21309053	B158	Rmah		16/02/2001	Nam	5.0	8.0	6.5	5.5	25.0	6.25	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
159	21406046	B159	Lâm Thị Ngọc Lan	08/12/2000	Nữ	5.5	8.5	9.5	8.0	31.5	7.88	Đạt
160	21305061	B160	Lê Thị Thúy Lan	28/02/2003	Nữ	8.0	8.5	8.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
161	22402047	B161	Mông Thị Lệ	01/03/2004	Nữ	8.0	8.5	7.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
162	23901026	B162	Nguyễn Thị Nhật Lệ	10/10/2005	Nữ	8.0	5.0	7.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
163	22402048	B163	Nguyễn Thị Thủy Lệ	28/07/2001	Nữ	7.5	6.5	5.0	8.0	27.0	6.75	Đạt
164	22901022	B164	Ksor H' Lên	30/09/2004	Nữ	7.5	5.5	8.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
165	22403053	B165	H' Kiều Liêng	24/09/2003	Nữ	6.0	7.5	7.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
166	22601024	B166	H Mí Liêng	29/09/2004	Nữ	8.0	4.0	5.5	7.5	25.0	6.25	Đạt
167	21403056	B167	Bùi Thị Linh	01/12/2003	Nữ	6.5	5.0	5.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
168	22410032	B168	Dương Thị Mỹ Linh	01/02/2004	Nữ	5.0	8.0	3.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
169	22402053	B169	Hoàng Thị Mai Linh	11/01/2003	Nữ	8.0	7.5	6.5	8.5	30.5	7.63	Đạt
170	22410033	B170	Lê Thị Thùy Linh	13/11/2004	Nữ	4.0	8.0	4.5	6.5	23.0	5.75	Đạt
171	21410051	B171	Nghiêm Đặng Việt Linh	19/09/2003	Nam	5.5	8.5	5.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
172	21402077	B172	Nguyễn Thị Diệu Linh	05/08/2003	Nữ	8.0	6.5	7.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
173	20311085	B173	Nguyễn Thị Hồng Linh	22/04/2002	Nữ	8.0	8.5	6.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
174	21601061	B174	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/04/2003	Nữ	6.0	8.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
175	21305071	B175	Phan Thị Linh	25/09/2002	Nữ	7.0	8.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
176	22406025	B176	Trần Thị Mỹ Linh	09/07/2004	Nữ	7.5	8.0	8.5	7.0	31.0	7.75	Đạt
177	22410036	B177	Võ Thị Kiều Linh	26/11/2004	Nữ	6.5	8.0	9.0	5.0	28.5	7.13	Đạt
178	20402055	B178	Phan Thị Bích Loan	16/01/2002	Nữ	2.0	8.0	5.0	7.5	22.5	5.63	Đạt
179	22406027	B179	Đào Xuân Lộc	03/07/2003	Nam	2.5	8.0	9.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
180	16103040	B180	Nguyễn Tiến Lộc	21/11/1998	Nam	7.0	4.0	4.5	3.5	19.0	4.75	Không đạt
181	20311087	B181	Đinh Thị Mỹ Lợi	21/11/2002	Nữ	8.5	8.0	3.5	7.5	27.5	6.88	Đạt
182	20605031	B182	Điêu Luân	06/06/2001	Nam	5.0	8.0	9.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
183	21821014	B183	Nguyễn Thành Lực	28/11/1992	Nam	9.0	8.0	9.0	8.5	34.5	8.63	Đạt
184	23103045	B184	Trần Xuân Lương	02/04/2001	Nam							Vắng
185	21403065	B185	Đặng Trúc Ly	03/11/2003	Nữ	8.0	7.0	6.5	8.0	29.5	7.38	Đạt
186	21402084	B186	Đỗ Phạm Diệu Ly	26/07/2003	Nữ	8.0	9.0	3.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
187	22406028	B187	Đoàn Thị Cẩm Ly	06/11/2004	Nữ	7.5	8.0	8.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
188	21403217	B188	Lê Thị Hải Ly	13/01/2003	Nữ	6.0	8.0	8.0	5.0	27.0	6.75	Đạt
189	22402063	B189	Y Vy Ly	01/08/2004	Nữ	7.0	9.0	3.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
190	21903053	B190	H' Thu Mai	22/02/2003	Nữ	4.5	9.0	9.0	5.0	27.5	6.88	Đạt
191	20901106	B191	Ksor H' Mai	02/08/2002	Nữ	6.0	7.0	3.0	5.0	21.0	5.25	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra							
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả	
192	22410121	B192	Bùi Đức Mạnh	10/05/2004	Nam	3.0	5.5	2.5	6.0	17.0	4.25	Không đạt	
193	21305086	B193	Hoàng Đức Mạnh	10/02/2003	Nam	5.0	9.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt	
194	21903055	B194	Siu Mari	11/03/2002	Nữ	1.5	9.0	3.0	7.0	20.5	5.13	Đạt	
195	20303013	B195	Lê Mo Mi	09/11/1999	Nam	6.0	7.0	8.5	5.5	27.0	6.75	Đạt	
196	16304036	B196	Nguyễn Công Minh	12/04/1998	Nam	7.0	9.0	9.0	2.0	27.0	6.75	Đạt	
197	21413082	B197	Nguyễn Xuân Minh	02/10/2002	Nam	2.5	9.0	2.5	4.5	18.5	4.63	Không đạt	
198	22601027	B198	H Ban Mlô	20/12/2004	Nữ	6.0	9.0	7.0	6.5	28.5	7.13	Đạt	
199	22901029	B199	H Kim Mlô	10/10/2004	Nữ	7.0	7.0	5.0	7.5	26.5	6.63	Đạt	
200	21903057	B200	H' Ngân Mlô	29/04/2003	Nữ	3.0	8.0	2.0	6.0	19.0	4.75	Không đạt	
201	20605006	B201	H Thu Mlô	21/04/2002	Nữ	2.5	8.5	3.0	4.0	18.0	4.50	Không đạt	
202	21309087	B202	H' Uy Mlô	01/03/2002	Nữ	4.0	7.5	2.0	5.5	19.0	4.75	Không đạt	
203	20901113	B203	H Wui Mlô	07/07/2002	Nữ	4.0	5.0	5.0	6.0	20.0	5.00	Đạt	
204	21305093	B204	Lê Thị Diễm My	03/12/2003	Nữ	5.5	7.5	5.0	6.0	24.0	6.00	Đạt	
205	21101108	B205	Nguyễn Thị Trà My	01/11/2003	Nữ	2.0	8.5	6.5	7.0	24.0	6.00	Đạt	
206	22410122	B206	Phan Thị Huyền Mỹ	04/12/2004	Nữ	3.0	8.5	3.0	8.0	22.5	5.63	Đạt	
207	22406029	B207	Nguyễn Hoàng Nam	26/09/2004	Nam	9.0	8.5	5.0	7.0	29.5	7.38	Đạt	
208	21601070	B208	Trần Ayũn Y Nam	23/09/2003	Nam	3.5	6.0	2.0	3.0	14.5	3.63	Không đạt	
209	19307157	B209	Bùi Thị Thanh Nga	06/03/1994	Nữ	7.0	4.5	7.0	6.5	25.0	6.25	Đạt	
210	22402069	B210	Lê Thị Nga	26/10/2004	Nữ	4.0	6.5	2.0	5.5	18.0	4.50	Không đạt	
211	21601128	B211	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	11/11/2003	Nữ	7.0	7.0	5.0	6.0	25.0	6.25	Đạt	
212	21406069	B212	Nguyễn Thị Thanh Nga	03/05/2002	Nữ	3.0	6.0	4.5	4.5	18.0	4.50	Không đạt	
213	22402070	B213	Trần Thị Thúy Nga	28/02/2004	Nữ	3.0	7.0	2.5	7.0	19.5	4.88	Không đạt	
214	22403068	B214	Nguyễn Thị Thu Ngân	27/01/2004	Nữ	7.0	6.5	4.5	7.0	25.0	6.25	Đạt	
215	22309022	B215	Vùi Thị Thu Ngân	03/07/2004	Nữ	7.0	6.5	5.5	6.5	25.5	6.38	Đạt	
216	22103041	B216	Cao Huy Ngộ	04/01/2004	Nam	2.0	4.5	3.5	5.0	15.0	3.75	Không đạt	
217	22901031	B217	Thị Ngoanh	23/03/2004	Nữ	3.0	7.0	6.5	5.5	22.0	5.50	Đạt	
218	21403229	B218	Đặng Hồng Ngọc	02/08/2003	Nữ	8.0	8.0	8.0	8.0	32.0	8.00	Đạt	
219	22410043	B219	Hoàng Thị Ngọc	25/04/2004	Nữ	6.5	8.5	4.0	7.5	26.5	6.63	Đạt	
220	21309063	B220	Lê Nữ Bích Ngọc	20/09/2003	Nữ	4.5	8.0	4.0	6.5	23.0	5.75	Đạt	
221	21311020	B221	Lê Thị Hồng Ngọc	13/02/2003	Nữ	3.5	4.5	5.0	5.0	18.0	4.50	Không đạt	
222	21901036	B222	Nguyễn Hồng Ngọc	02/02/2003	Nữ	6.0	4.5	1.0	5.0	16.5	4.13	Không đạt	
223	21101111	B223	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/10/2003	Nữ	6.0	7.5	9.0	8.5	31.0	7.75	Đạt	
224	22410045	B224	Phạm Thị Minh Ngọc	28/08/2004	Nữ	4.5	8.0	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt	

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
225	22410126	B225	Hà Thị Thu	Nguyễn	15/03/2004	Nữ	4.5	8.0	9.5	5.0	27.0	6.75	Đạt
226	21305102	B226	Huỳnh Trần Tố	Nguyễn	29/09/2003	Nữ	3.5	9.0	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
227	21403090	B227	Nguyễn Đức	Nguyễn	21/02/2003	Nam	7.5	8.0	7.5	5.5	28.5	7.13	Đạt
228	21101045	B228	Nguyễn Hoàng Trọng	Nguyễn	19/05/2003	Nam	3.5	8.0	9.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
229	20410198	B229	Nguyễn Võ Khánh	Nguyễn	08/06/2002	Nữ	5.0	6.5	3.5	7.0	22.0	5.50	Đạt
230	21305104	B230	Phạm Như Cao	Nguyễn	21/10/2003	Nam	0.0	9.0	8.0	4.0	21.0	5.25	Không đạt
231	20313014	B231	Phan Huỳnh	Nguyễn	01/04/1998	Nam	5.0	8.5	9.0	3.0	25.5	6.38	Đạt
232	21406175	B232	Trần Ngọc	Nguyễn	23/10/2003	Nam	7.0	8.5	3.5	7.0	26.0	6.50	Đạt
233	21410071	B233	Võ Văn	Nguyễn	03/10/2003	Nam	6.5	8.5	6.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
234	22605011	B234	Lê Thị Minh	Nguyệt	27/04/2004	Nữ	5.0	8.5	9.0	3.5	26.0	6.50	Đạt
235	20406230	B235	Ma Thị Ánh	Nguyệt	26/03/2002	Nữ	6.0	8.5	7.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
236	21403097	B236	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	28/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
237	23901039	B237	Trần Thị	Nhàn	06/02/2005	Nữ	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
238	17313038	B238	Nguyễn Trọng	Nhân	16/09/1998	Nam	4.0	8.5	6.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
239	22105008	B239	Hoàng Đình Long	Nhật	05/01/2004	Nam	4.5	8.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
240	19307180	B240	Nguyễn Thị Minh	Nhật	30/09/2001	Nữ	8.5	8.5	8.5	9.0	34.5	8.63	Đạt
241	20304013	B241	Nguyễn Văn	Nhật	10/10/2002	Nam	6.0	8.0	3.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
242	22309024	B242	Đào Thị Thy	Nhi	19/02/2004	Nữ	2.0	8.5	4.0	7.0	21.5	5.38	Đạt
243	21402122	B243	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	07/06/2003	Nữ	8.5	8.5	9.5	7.5	34.0	8.50	Đạt
244	21601074	B244	Mai Thị Yên	Nhi	15/05/2003	Nữ	6.5	8.5	8.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
245	21601075	B245	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	30/04/2003	Nữ	5.0	8.5	7.5	3.0	24.0	6.00	Đạt
246	22403073	B246	Phạm Thị Ngọc	Nhi	14/07/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
247	22406032	B247	Phạm Thị Yên	Nhi	21/03/2004	Nữ	8.5	8.0	6.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
248	20411028	B248	Phan Hoàng Yên	Nhi	27/11/2002	Nữ							Vắng
249	23105023	B249	Trần Thị Yên	Nhi	02/02/2005	Nữ	7.0	8.5	7.5	6.5	29.5	7.38	Đạt
250	21402265	B250	Võ Hoàng Tuyết	Nhi	08/08/2003	Nữ	5.0	8.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
251	21403108	B251	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	20/05/2003	Nữ	5.5	8.5	9.5	6.0	29.5	7.38	Đạt
252	21403109	B252	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	31/03/2003	Nữ	3.5	8.5	7.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
253	22403078	B253	Trần Đỗ Quỳnh	Như	02/10/2004	Nữ	8.5	6.0	5.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
254	22101028	B254	Võ Lê Băng	Như	18/08/2004	Nữ	5.0	8.5	7.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
255	21403104	B255	Lê Thị Ngọc	Nhung	11/10/2003	Nữ	4.5	8.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
256	22403075	B256	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/08/2004	Nữ	5.0	8.0	7.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
257	22402085	B257	Phạm Hồng	Nhung	22/10/2004	Nữ	4.0	8.5	8.5	6.0	27.0	6.75	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
258	22901035	B258	Phạm Hồng	Nhung	15/02/2004	Nữ	8.5	7.0	7.0	8.5	31.0	7.75	Đạt
259	22901037	B259	Võ Thị Cẩm	Nhung	14/06/2004	Nữ	8.0	8.5	7.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
260	22903053	B260	H Dala	Niê	16/09/2004	Nữ	5.5	8.0	9.0	4.0	26.5	6.63	Đạt
261	18605011	B261	H Jin	Niê	20/01/1999	Nữ	3.5	8.5	7.5	6.0	25.5	6.38	Đạt
262	21608014	B262	H Kula	Niê	25/01/2003	Nữ	4.0	8.5	7.0	4.0	23.5	5.88	Đạt
263	22410054	B263	H Ngọc	Niê	04/12/2004	Nữ	4.0	8.5	5.5	6.0	24.0	6.00	Đạt
264	21412048	B264	Y - Toang	Niê	03/01/2002	Nam	6.5	8.5	9.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
265	22410128	B265	Y Thuôn	Niê	06/05/2004	Nam	9.0	5.0	3.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
266	22402090	B266	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	14/10/2004	Nữ	7.5	8.5	4.5	8.5	29.0	7.25	Đạt
267	21302053	B267	Phạm Hòa	Phát	09/11/2001	Nam	6.5	5.5	3.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
268	21313032	B268	Châu Văn	Phúc	16/05/2001	Nam	9.0	6.0	7.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
269	21103176	B269	Lê Hồng	Phúc	29/07/2003	Nam	6.0	8.5	3.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
270	22103051	B270	Ngô Thiên	Phúc	02/01/2004	Nam	8.0	8.5	5.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
271	18303024	B271	Trần Văn	Phúc	08/07/1999	Nam							Vắng
272	22410059	B272	Đặng Thị Hà	Phương	16/06/2004	Nữ	6.5	8.0	5.0	7.5	27.0	6.75	Đạt
273	21403118	B273	Khúc Thị	Phượng	25/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
274	22902021	B274	Thị -	Phượng	10/08/2004	Nữ	5.0	8.5	5.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
275	21903066	B275	Toàn Thị Bích	Phượng	18/02/2003	Nữ	3.0	8.5	7.0	3.0	21.5	5.38	Đạt
276	22901043	B276	Siu H'	Pon	28/07/2003	Nữ	6.5	5.5	4.5	7.0	23.5	5.88	Đạt
277	19307329	B277	Quảng Đại	Pôn	06/09/2000	Nam	7.0	8.5	5.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
278	21305123	B278	Nguyễn Hải	Quân	25/11/2003	Nam	6.5	9.0	9.0	5.0	29.5	7.38	Đạt
279	21410086	B279	Nguyễn Minh	Quân	09/09/2003	Nam	9.0	7.5	5.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
280	17103075	B280	Phạm Văn	Quang	11/03/1999	Nam							Vắng
281	20412084	B281	Nguyễn Ngọc Nguyệt	Quế	02/09/2002	Nữ	7.0	6.0	8.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
282	19307203	B282	Cầm Anh	Quốc	26/07/2001	Nam	6.0	8.5	7.5	3.5	25.5	6.38	Đạt
283	21413102	B283	Văn Phan Nguyễn	Quốc	30/05/2003	Nam	9.0	9.0	9.0	5.0	32.0	8.00	Đạt
284	21101054	B284	Dương Nhật Thục	Quyên	14/01/2003	Nữ	7.0	9.0	8.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
285	21104055	B285	Nguyễn Hải	Quyên	08/06/2003	Nữ	6.0	9.0	9.5	7.0	31.5	7.88	Đạt
286	22601049	B286	Nguyễn Trần Thúy	Quyên	05/12/2004	Nữ	6.5	7.5	5.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
287	20305084	B287	Trần Ngọc Thu	Quyên	08/04/2002	Nữ	6.5	9.0	8.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
288	21402138	B288	Vương Thị Thùy	Quyên	30/08/2003	Nữ	6.0	9.0	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
289	22406036	B289	Lê Hữu	Quyên	12/01/2004	Nam	5.5	9.0	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
290	21101118	B290	Trần Văn	Quyết	27/10/2003	Nam	7.5	9.0	9.5	7.0	33.0	8.25	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
291	21411039	B291	Bùi Thị Diễm Quỳnh	16/10/2003	Nữ	6.0	8.5	5.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
292	22601033	B292	Mai Nguyễn Trúc Quỳnh	11/09/2004	Nữ	7.0	8.5	8.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
293	19307213	B293	Vương Như Quỳnh	09/10/2001	Nữ	8.5	9.0	9.0	6.0	32.5	8.13	Đạt
294	21104057	B294	Huỳnh Ngọc Sang	16/04/2003	Nam	5.0	9.0	5.0	3.0	22.0	5.50	Đạt
295	22410064	B295	K' Zu Sang	02/09/2003	Nam	4.0	9.0	9.0	1.0	23.0	5.75	Đạt
296	21412056	B296	Nguyễn Huỳnh Hữu Sơn	07/09/2003	Nam	6.5	9.0	9.5	5.0	30.0	7.50	Đạt
297	21402142	B297	Trần Khánh Sơn	20/10/2002	Nam	5.0	9.0	8.5	5.5	28.0	7.00	Đạt
298	21601012	B298	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	12/01/2003	Nữ	7.5	8.5	9.0	7.0	32.0	8.00	Đạt
299	22410065	B299	Ngô Gia Tài	23/02/2004	Nam	8.5	9.0	9.5	7.5	34.5	8.63	Đạt
300	21410094	B300	Nguyễn Cửu Tài	20/08/2003	Nam	7.0	9.0	8.5	5.5	30.0	7.50	Đạt
301	21302032	B301	Nguyễn Đức Tài	14/04/2003	Nam	6.0	8.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
302	21403258	B302	Nguyễn Thị Như Tâm	15/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
303	21410096	B303	Phạm Thành Tâm	24/03/2003	Nam	6.5	8.5	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
304	21402280	B304	Trần Thị Thành Tâm	10/11/2003	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
305	20311124	B305	Trần Tô Ngọc Thạch	01/05/2002	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
306	21903072	B306	Thị Thắm	11/06/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
307	21101121	B307	Nguyễn Hữu Thắng	01/07/2003	Nam	8.0	8.0	8.5	6.5	31.0	7.75	Đạt
308	19307230	B308	Phạm Tiến Thắng	06/08/1990	Nam	7.0	8.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
309	22902022	B309	Vũ Văn Thắng	22/07/2004	Nam	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
310	22102009	B310	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	31/07/2004	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
311	19307221	B311	Vũ Xuân Thanh	23/07/2001	Nam	4.0	8.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
312	22406037	B312	Nguyễn Tấn Thành	08/08/2004	Nam	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
313	21605053	B313	Lê Phương Thảo	30/11/2003	Nữ	6.0	8.0	5.5	3.5	23.0	5.75	Đạt
314	21601091	B314	Mai Thị Hồng Thảo	21/10/2003	Nữ	3.5	8.5	7.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
315	20402108	B315	Nông Thu Thảo	23/11/2002	Nữ	5.0	8.5	9.5	3.5	26.5	6.63	Đạt
316	19402178	B316	Kơ Ja Ha Thiên	13/09/2000	Nam	5.0	8.5	9.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
317	20605039	B317	Nguyễn Viết Thông	19/02/2001	Nam	6.0	8.5	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
318	21402164	B318	Bùi Nguyễn Anh Thư	07/10/2003	Nữ	2.0	8.5	9.5	7.0	27.0	6.75	Đạt
319	21101063	B319	Bùi Thị Yên Thư	06/10/2003	Nữ	8.0	8.0	9.5	7.5	33.0	8.25	Đạt
320	22601050	B320	Lương Thị Minh Thư	17/01/2004	Nữ	5.5	8.5	7.0	7.5	28.5	7.13	Đạt
321	20303034	B321	Phạm Văn Thuận	10/08/2002	Nam	6.0	8.0	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
322	22901051	B322	Hà Lê Hoài Thương	03/06/2004	Nữ	6.0	8.5	6.0	7.5	28.0	7.00	Đạt
323	21403145	B323	Lê Thị Thương Thương	20/06/2003	Nữ	5.0	8.5	8.0	7.5	29.0	7.25	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
324	22309036	B324	Phạm Anh Nhật	Thương	11/09/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
325	22903075	B325	Thái Thị	Thương	02/08/2004	Nữ	6.0	8.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
326	21402292	B326	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Nữ	1.0	8.5	3.5	6.0	19.0	4.75	Không đạt
327	22402113	B327	Võ Thị Hoài	Thương	25/05/2004	Nữ	4.0	8.5	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
328	22903076	B328	Vũ Thị Ánh	Thương	18/11/2004	Nữ	5.0	9.0	9.0	5.5	28.5	7.13	Đạt
329	22406045	B329	Bùi Thị Thanh	Thúy	13/11/2004	Nữ	6.5	8.5	9.5	8.5	33.0	8.25	Đạt
330	19307333	B330	Lương Thị Thanh	Thùy	12/12/2000	Nữ	6.0	7.5	8.0	3.5	25.0	6.25	Đạt
331	21607027	B331	Trần Hoàng Anh	Thy	21/08/2003	Nữ	5.0	8.5	6.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
332	22104012	B332	Hoàng Nguyễn Ngọc	Tiên	18/08/2004	Nữ							Vắng
333	22410075	B333	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	28/12/2004	Nữ	8.0	7.5	6.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
334	22406049	B334	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	24/01/2004	Nữ	7.0	9.0	7.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
335	20304018	B335	Đỗ Văn	Tiến	20/12/2001	Nam	5.5	9.0	6.5	0.0	21.0	5.25	Không đạt
336	20103054	B336	Tăng Quốc	Tiến	18/12/2002	Nam	2.0	9.0	2.5	2.5	16.0	4.00	Không đạt
337	21402295	B337	Đoàn Xuân	Tinh	20/09/2003	Nam	8.0	8.5	5.5	8.0	30.0	7.50	Đạt
338	22605020	B338	Nguyễn Thị	Tinh	20/08/2004	Nữ	5.0	8.5	3.0	5.5	22.0	5.50	Đạt
339	20902048	B339	Rơ Mah	Tôm	24/06/2001	Nữ	6.0	8.0	5.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
340	21403155	B340	Nguyễn Thị Thanh	Trà	07/01/2003	Nữ	5.5	8.5	3.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
341	20305240	B341	Cao Thị Quế	Trâm	21/05/2002	Nữ	2.0	7.0	3.0	5.5	17.5	4.38	Không đạt
342	21102027	B342	Hồ Hà Ngọc	Trâm	01/01/2003	Nữ	7.0	8.5	3.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
343	22601038	B343	Lành Thị Bảo	Trâm	17/09/2004	Nữ	7.5	8.5	2.5	7.0	25.5	6.38	Đạt
344	21402297	B344	Nguyễn Thị Anh	Trâm	04/01/2003	Nữ	7.5	7.0	6.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
345	22403114	B345	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/05/2004	Nữ	9.0	8.5	7.0	5.5	30.0	7.50	Đạt
346	21402172	B346	Đỗ Kiều	Trang	10/07/2003	Nữ	2.5	8.5	3.0	1.5	15.5	3.88	Không đạt
347	20305177	B347	Lê Thị Huyền	Trang	22/08/2002	Nữ	6.0	9.0	3.5	1.0	19.5	4.88	Không đạt
348	22103074	B348	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	01/10/2004	Nữ	6.5	8.5	5.5	8.0	28.5	7.13	Đạt
349	21305171	B349	Phạm Thị Thu	Trang	08/02/2003	Nữ	6.5	8.5	4.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
350	23102020	B350	Trần Thị Thùy	Trang	03/05/1995	Nữ							Vắng
351	19307259	B351	Võ Thùy	Trang	20/07/2001	Nữ	5.5	7.5	5.5	5.0	23.5	5.88	Đạt
352	20304020	B352	Nguyễn Văn	Trí	28/05/2002	Nam	4.0	9.0	9.0	3.5	25.5	6.38	Đạt
353	17101037	B353	Phù Chí	Trí	12/09/1990	Nam	7.0	8.5	4.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
354	21305175	B354	Lê Thị	Triều	20/07/2003	Nữ	4.5	8.5	7.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
355	22410081	B355	Hoàng Thị Thục	Trinh	29/07/2004	Nữ	6.0	5.0	2.5	4.0	17.5	4.38	Không đạt
356	21402181	B356	Lê Nguyễn Như	Trinh	04/10/2003	Nữ	8.5	8.5	3.0	6.5	26.5	6.63	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra							
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả	
357	22406054	B357	Phạm Trần Thảo	Trinh	15/09/2004	Nữ	8.5	8.5	7.0	8.0	32.0	8.00	Đạt
358	18403129	B358	Nguyễn Thùy	Trúc	11/02/2000	Nữ	7.0	7.5	3.0	4.0	21.5	5.38	Đạt
359	21410118	B359	Phạm Thị Hồng	Trúc	12/01/2003	Nữ	3.5	8.5	7.0	2.0	21.0	5.25	Đạt
360	21605038	B360	Đình Công	Tuấn	14/07/2003	Nam	6.0	8.5	9.5	2.0	26.0	6.50	Đạt
361	21302047	B361	Hồ Anh	Tuấn	17/01/2003	Nam	6.0	8.5	3.0	4.5	22.0	5.50	Đạt
362	21403162	B362	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	18/05/2002	Nữ	6.5	8.5	3.5	7.5	26.0	6.50	Đạt
363	21402308	B363	Trần Thị Thanh	Tuyền	10/02/2002	Nữ	5.0	5.5	3.5	5.0	19.0	4.75	Không đạt
364	21402192	B364	H'	Tuyết	23/04/2003	Nữ	6.0	5.5	5.0	7.0	23.5	5.88	Đạt
365	21607107	B365	Hồ Thị	Tuyết	18/04/2003	Nữ	2.5	8.5	5.0	2.0	18.0	4.50	Không đạt
366	22901067	B366	Vương Thị Ánh	Tuyết	28/07/2004	Nữ	6.0	8.5	2.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
367	20901168	B367	Nay H'	Ước	13/12/2002	Nữ	2.0	8.5	2.5	6.5	19.5	4.88	Không đạt
368	21302025	B368	Đặng Thị Như	Uyên	05/12/2003	Nữ	5.0	8.0	2.5	8.0	23.5	5.88	Đạt
369	21413117	B369	Lê Tổ	Uyên	03/04/2003	Nữ	7.5	8.5	4.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
370	19309081	B370	Siu H'	Uyên	28/04/2000	Nữ	3.0	8.5	3.5	5.5	20.5	5.13	Đạt
371	19307273	B371	Voòng Ngọc Thảo	Uyên	10/03/2001	Nữ	6.0	5.5	6.5	5.5	23.5	5.88	Đạt
372	20903124	B372	Nay H'	Vân	02/08/2002	Nữ	7.5	8.5	3.5	4.5	24.0	6.00	Đạt
373	21101131	B373	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	02/08/2002	Nữ	7.5	8.5	4.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
374	21309084	B374	Đình Thị Tường	Vi	28/12/2003	Nữ	7.0	8.5	5.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
375	22401012	B375	Lê Khánh	Vi	28/08/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
376	21607030	B376	Nguyễn Hoàng	Vi	23/12/2003	Nữ	8.5	8.5	5.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
377	22406056	B377	Nguyễn Thảo	Vi	24/12/2004	Nữ	8.5	8.5	6.5	9.5	33.0	8.25	Đạt
378	22901056	B378	Nguyễn Thị Mộng	Vi	16/05/2004	Nữ	7.0	8.5	6.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
379	20307238	B379	Nguyễn Hoàng	Việt	17/01/2002	Nam	7.0	6.5	2.5	6.5	22.5	5.63	Đạt
380	21410225	B380	Huỳnh Quang Nhật	Vĩnh	01/11/2002	Nam	8.5	8.0	9.0	8.5	34.0	8.50	Đạt
381	18307401	B381	Dương Quang Nguyên	Vũ	16/04/1998	Nam	5.5	8.0	5.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
382	21402307	B382	Nguyễn Long	Vũ	18/08/2003	Nam	8.5	6.0	5.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
383	22410093	B383	Hồ Tường	Vy	04/10/2004	Nữ	7.5	8.0	6.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
384	23402133	B384	Lê Phương	Vy	13/12/2005	Nữ	8.0	8.5	5.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
385	21101079	B385	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/03/2003	Nữ	8.0	8.5	4.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
386	21403169	B386	Trần Triệu	Vy	18/08/2003	Nữ							Vắng
387	21410133	B387	Võ Khả	Vy	08/11/2003	Nữ	7.0	7.5	4.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
388	20307305	B388	Đàng Xuân	Win	20/11/2001	Nam	8.0	8.0	4.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
389	21311106	B389	Cil K'	Winh	23/06/2002	Nữ	6.5	9.0	3.5	7.5	26.5	6.63	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra							
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả	
390	23406063	B390	Cao Thị Xuân	10/05/2005	Nữ	7.0	8.5	4.5	6.0	26.0	6.50	Đạt	
391	16304071	B391	Rcom - Xưng	09/07/1995	Nam	8.0	7.5	3.5	6.5	25.5	6.38	Đạt	
392	22601041	B392	Vũ Thị Hồng Xương	30/03/2004	Nữ	4.0	8.5	9.5	6.5	28.5	7.13	Đạt	
393	20307249	B393	Nguyễn Thành Ý	03/11/2002	Nam	8.0	8.0	9.0	8.0	33.0	8.25	Đạt	
394	20903128	B394	Nguyễn Hoàng Đình Yên	11/04/2002	Nữ	8.0	8.5	9.0	7.0	32.5	8.13	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: **394**
 Số thí sinh tham gia: **373**
 Số thí sinh vắng: **21**
 Số thí sinh đạt: **338**
 Số thí sinh không đạt: **35**